TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 11 - 5 - 2021
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và bà Vũ Thị Thùy Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 16/12/2020 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 06/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-DS ngày 23/4/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, Giám đốc chi nhánh Hưng Yên. Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Việt B - Trưởng phòng giao dịch P, chi nhánh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số 279 đường Đ, phường Q, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 136 đường L, phường A, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bầy:

Ngày 12/5/2016 phòng giao dịch P, chi nhánh Hưng Yên, Ngân hàng TMCP S, *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* và chị Vũ Thị Kim T đã cùng nhau ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nội dung của hợp đồng là Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng cho chị T. Mục đích sử dụng là tiêu dùng. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 2,5%/1 tháng. Ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 05 hàng tháng. Hình thức bảo đảm là tín chấp. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 50.000.000 đồng vào thẻ tín dụng số 970403-7464 cho chị T. Chị T đã thực hiện các giao dịch trên thẻ tín dụng với tổng số tiền 87.555.900 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 31/5/2016 đến 30/9/2020, chị T đã thanh toán trả Ngân hàng số tiền 113.204.497 đồng, trong đó gốc 40.335.956 đồng, lãi suất 72.868.541 đồng. Do chị T đã không thanh toán đúng ngày 05 hàng tháng theo như đã ký kết nên phải chịu phí trễ hạn. Chị T còn phải chịu phí VHM (phí vượt hạn mức) do thực hiện giao dịch quá hạn mức mà Ngân hàng đã cấp cho là 50.000.000 đồng. Có những tháng chị T không thanh toán trả Ngân hàng tiền.

Tháng 10/2020, chị T dừng thanh toán trả Ngân hàng. Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ và thiết lập biên bản làm việc với chị T nhiều lần nhưng chị vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Đến gần tết năm 2021, Ngân hàng không liên lạc được với chị T. Do chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu chị T thanh toán trả nợ Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 11/5/2021 số tiền gốc 38.206.713 đồng và lãi 4.344.051 đồng. Tổng số nợ là 42.550.764 đồng, phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định của pháp luật đến khi trả hết nợ. Ngân hàng không yêu cầu chồng chị T là anh Nguyễn Trọng T1 phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị T vì anh không liên quan đến khoản vay của chị T. Ngân hàng không yêu cầu đưa bất kỳ người nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn chị Vũ Thị T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên chị Tuyến không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện gia đình chị T: ông Nguyễn Văn K (bố chồng chị T) cung cấp: Sau khi chị T kết hôn với con trai ông là anh Nguyễn Trọng T1 thì vợ chồng chị chung sống cùng vợ chồng ông tại số nhà 136 đường L, phường A, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Năm 2013 vợ chồng chị T tách khẩu riêng nhưng vẫn lấy địa chỉ

của nhà ông. Khoảng hè năm 2018 vợ chồng chị T không ở nhà ông nữa, chị T nói là mở quán bán hàng cà phê trên đường N, thành phố Hưng Yên. Đến nay chị T không bán cà phê nữa, chị ở đâu, làm gì ông không biết. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập chị T về địa chỉ nhà, ông đã nhận hộ nhưng chưa giao lại được cho chị, vì không biết chị T ở đâu.

Công an phường An Tảo cung cấp: Chị Vũ Thị Kim T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 136 đường L, phường A, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Qua nắm bắt thông tin từ hàng xóm nhà chị T và qua trao đổi trực tiếp ông K (bố chồng chị T) thì chị không có mặt tại địa phương từ tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Chị T đang ở đâu Công an phường không nắm bắt được vì khi đi chị không khai báo. Hiện con gái của vợ chồng chị vẫn đang ở cùng ông bà K, còn anh T1 không thấy có mặt tại nhà.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ thứ 2 vẫn vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa. Về nội dung: Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91của Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc chị Vũ Thị Kim T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 42.550.764 đồng và phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 12/5/2021 cho đến khi chị trả nợ xong. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng; tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp của chị T; Biên bản phán quyết cấp tín dụng của hội đồng tín dụng PGD P; giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của chị T, căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng thì đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng tiêu dùng".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị Vũ Thị Kim T tại số 136 đường L, phường A, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị thay đổi nơi cư trú không thông

báo tại Công an phường A. Thời gian chị vắng mặt tại địa phương đến khi Tòa án thụ lý vụ án chưa đủ 06 tháng và gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị Kim T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Việt B - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Theo yêu cầu của Ngân hàng về việc không triệu tập chồng của chị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không có liên quan đến việc vay nợ của chị T. Yêu cầu không triệu tập thêm người nào khác vào tham gia tố tụng và phía Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân chị T có trách nhiệm trả khoản nợ. Mặc dù Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng nội địa Family cho chị T với mục đích là tiêu dùng, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông K (bố chồng chị T) và Công an phường A đều cung cấp anh Nguyễn Trọng T1 không có mặt tại nhà do vậy Tòa án không thể lấy được lời khai của anh để làm rõ anh T1 có sử dụng số tiền cùng chị T vào mục đích gia đình không. Mặt khác trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa chị T và Ngân hàng chỉ có chữ ký xác nhận của chị T, anh T1 không ký vào hợp đồng. Xét, đây là yêu cầu tự nguyện và không trái pháp luật của Ngân hàng nên cần được chấp nhận.

[5] Xét Hợp đồng tín dụng: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/5/2016 đã ký kết giữa Ngân hàng với chị Vũ Thị Kim T đã được ký kết trên nguyên tắc tự nguyện, sau khi ký kết Ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt cho chị T theo hình thức cấp thẻ tín dụng số 970403-7464 với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng. Về mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của Ngân hàng thương mại tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã trả được cho Ngân hàng số tiền 113.204.497 đồng, trong đó gốc là 40.335.956 đồng, lãi suất là 72.868.541 đồng.

Tháng 10/2020 chị T dừng thanh toán trả Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 18 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân mà hai bên đã ký, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị T, khởi kiện buộc chị T trả nợ là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về việc tính lãi: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/5/2016 thỏa thuận lãi suất là 2,5%/1 tháng, thấy rằng mức lãi suất là do Ngân hàng và chị T tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Theo tóm tắt sao kê ngày 11/5/2021 của Ngân hàng thì chị T phải trả lãi Ngân hàng từ ngày 30/ 11/2020 đến ngày 11/5/2021 là 4.344.051 đồng. Xét thấy: cách tính lãi của Ngân hàng không vượt quá 20% của khoản tiền vay phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và điểm b Điều 22 bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Vũ Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/5/2021 nợ gốc 38.206.713 đồng và lãi 4.344.051 đồng. Tổng số nợ là 42.550.764 đồng và tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Vũ Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 40; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc bị đơn chị Vũ Thị Kim T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/5/2016, số tiền tính đến ngày xét xử 11/5/2021 gốc 38.206.713 đồng và lãi 4.344.051 đồng. Tổng số nợ là 42.550.764 đồng

Kể từ ngày 12/5/2021, chị Vũ Thị Kim T tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí:

Chị Vũ Thị Kim T phải chịu 2.127.538 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 964.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001326 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
XỬ SƠ THẨM
- VKSND TP. Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự TP. Hưng Yên;
- Lưu VP; lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh